

QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ LAO ĐỘNG

PGS, TS TRẦN THỊ MINH TUYẾT ^(*)

Tóm tắt: *Thấu hiểu vai trò của hoạt động lao động đối với sự hình thành, phát triển của con người, Hồ Chí Minh không chỉ đưa ra hệ thống quan điểm mới mẻ, toàn diện và sâu sắc về vấn đề này, mà còn là tấm gương lao động bền bỉ, sáng tạo. Tư tưởng và cuộc đời cần lao của Người đã khẳng định: Chỉ có lao động mới đem lại hạnh phúc và giá trị thực cho con người. Vì vậy, bồi đắp lòng yêu lao động và thực hành lao động theo tư tưởng Hồ Chí Minh là yêu cầu cấp thiết của công cuộc xây dựng đất nước hiện nay.*

Từ khóa: *quan điểm Hồ Chí Minh; lao động; giá trị*

Trong tác phẩm *Biện chứng của tự nhiên*, Ph.Ăngghen đã khẳng định: “Lao động đã sáng tạo ra bản thân con người”⁽¹⁾. Khi loài người được hình thành, để sinh tồn và phát triển, con người phải lao động. Do điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội khó khăn, *lao động cần cù là phẩm chất hàng đầu của con người Việt Nam*. Từ sự thấu hiểu văn minh nhân loại cũng như văn hóa dân tộc, từ sự trải nghiệm của một cuộc đời lao động bền bỉ, hăng say, Hồ Chí Minh đã đưa ra hệ thống quan điểm sâu sắc, toàn diện về lao động - hoạt động thiết yếu nhất của xã hội loài người.

1. Vai trò của lao động

Với tư duy hệ thống, Hồ Chí Minh nhìn nhận vai trò của lao động trong mọi lĩnh vực của cuộc sống.

Xác định kinh tế là nền tảng vật chất của xã hội nên Hồ Chí Minh chỉ ra tầm quan trọng của lao động trong *lĩnh vực kinh tế*. Đúng như C.Mác đã khẳng định, con người phải có khả năng sống, rồi mới có thể làm ra lịch sử, lao động quan trọng bởi đó là nguồn gốc tạo ra của

cải, vật chất cần thiết cho đời sống con người. Khi của cải trong thiên nhiên không phải là vô tận và không ở dạng thức có thể sử dụng được ngay thì “xã hội có cơm ăn, áo mặc, nhà ở, là nhờ lao động”⁽²⁾. Muốn giàu có bền vững thì mỗi cá nhân, gia đình và xã hội đều phải lao động. Từ quy luật chung, Hồ Chí Minh chỉ ra tầm quan trọng của lao động đối với nền kinh tế chưa phát triển của Việt Nam. Theo Hồ Chí Minh: “Nước ta còn nghèo. Muốn sung sướng thì phải có tinh thần tự lực cánh sinh, cần cù lao động. Phải cố gắng sản xuất”⁽³⁾. Hơn nữa, để tiến hành cuộc chiến tranh vệ quốc, lao động phải trở thành “mặt trận” song song với mặt trận quân sự và ngoại giao. Ngay sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp mới bắt đầu ở Nam bộ, Hồ Chí Minh đã giải thích với nhân dân: “Nhiều sức, giàu của, mới có thể kháng chiến lâu dài. Thế thì ở hậu phương làm sao góp được nhiều sức, làm được nhiều của, đó là kháng chiến, chứ không phải chỉ ra mặt trận mới kháng chiến”⁽⁴⁾. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Hồ Chí Minh kêu gọi nông dân tích cực sản xuất với tinh thần:

“Ruộng rẫy là chiến trường,

^(*) Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện CTQG Hồ Chí Minh

Cuộc cày là vũ khí,
Nhà nông là chiến sỹ,
Hậu phương thi đua với tiền phương⁽⁵⁾.

Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ gian khổ, dưới sự lãnh đạo và cổ vũ của Hồ Chí Minh, khẩu hiệu “mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt” đã trở thành lẽ sống của mỗi người dân miền Bắc. Như vậy, yêu cầu phát triển kinh tế nói chung, hoàn cảnh đặc thù của Việt Nam nói riêng đã quy định *tâm quan trọng đặc biệt của lao động*.

Hồ Chí Minh cũng khẳng định vai trò của lao động trong *linh vực chính trị, quân sự, ngoại giao*. Người nói với nhân dân: mỗi một người dân phải hiểu: có tự lập mới độc lập, có tự cường mới tự do. Sự duy lợi trong quan hệ quốc tế là điều hiển nhiên, nên muốn có độc lập thực sự thì chúng ta phải có tiềm lực kinh tế. Do đó, bằng bàn tay siêng năng và khối óc nhiệt thành, mỗi người lao động Việt Nam cần góp sức xây đắp nền độc lập dân tộc. Lao động cũng góp phần tạo nên sức mạnh quân sự, vì nhờ lao động mà quân đội mới có đủ lương thực để “ăn no, đánh thắng”, mới có vũ khí và trang thiết bị cần thiết để chiến đấu. Lao động cũng làm gia tăng sức mạnh ngoại giao, bởi như Hồ Chí Minh đã giải thích, “nếu tự mình không có thực lực làm cơ sở thì không thể nói gì đến ngoại giao⁽⁶⁾”. Khi thực lực của dân tộc là sự hợp thành của nhiều yếu tố, trong đó, kinh tế đóng vai trò quyết định, thì lao động - cội nguồn của sức mạnh kinh tế cũng góp phần củng cố nền ngoại giao nước nhà.

Lao động cũng đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển *văn hóa*. Thực tế cho thấy, trong quá trình chinh phục thế giới tự nhiên, lao động không chỉ giúp con người dần chiếm hữu thiên nhiên, mà còn góp phần phát triển trí lực, thể lực. Nói cách khác, lao động đem lại cho con người tinh thần lành mạnh trong một thân thể khỏe mạnh. Đặc biệt, lao động là khởi nguồn của tri thức, sáng kiến, tài năng. Nếu Thomas Edison cho rằng, trong tài năng chỉ có 1% là bẩm sinh, còn 99% là mồ hôi và nước mắt, thì Hồ Chí Minh cũng coi sáng kiến, tài năng không

phải là “thiên định”, mà là kết quả của quá trình lao động vất vả. Người nhận định: “Sáng kiến không phải cái gì kỳ lạ. Nó chỉ là kết quả của sự nghiên cứu, suy nghĩ trong những hoàn cảnh, trong những điều kiện rất tầm thường, rất phổ thông, rất thiết thực⁽⁷⁾”. Ngoài ra, chính trong lao động, tính thâm mĩ của con người ngày càng được nâng lên, khi họ muốn làm và biết làm ra những sản phẩm ngày càng đẹp, tiện lợi và bền hơn để phục vụ cuộc sống. Quả thực, lao động đã giúp con người sáng tạo ra văn hóa và con người chính là sản phẩm văn hóa toàn vẹn nhất của lao động.

Hồ Chí Minh cũng nhìn nhận vai trò của lao động trong việc giải quyết các *vấn đề xã hội* thiết yếu, như việc làm, phân phối sản phẩm, phòng, chống các tệ nạn xã hội. Hồ Chí Minh khẳng định: “Một xã hội bình đẳng nghĩa là ai cũng phải lao động và có quyền lao động⁽⁸⁾”. Tức là, lao động là quyền cơ bản của con người và khả năng giải quyết việc làm cho người lao động là tiêu chí quan trọng để xác định tính ưu việt của chế độ xã hội. Việc dựa vào lao động để phân phối sản phẩm làm ra góp phần tạo dựng xã hội công bằng và giúp người lao động vươn tới tự do, vì không phải lệ thuộc vào người khác. Mặt khác, nguyên tắc phân phối theo lao động còn giúp con người phát hiện các hiện tượng tham ô, tư lợi. Khi thu nhập của mỗi người đã được “định lượng” bởi lao động, thì mọi sự giàu có, xa hoa bất thường đều là dấu hiệu của sự bất minh, cần được ngăn chặn.

Là lãnh tụ vô cùng quan tâm đến vấn đề đạo đức và là tấm gương lao động bền bỉ, nên Hồ Chí Minh coi lao động là *môi trường tốt nhất để rèn luyện đạo đức*. Bởi vì, quy trình sản xuất đòi hỏi con người phải đoàn kết, hợp tác với nhau và qua đó, tình yêu, sự đồng cảm giữa họ sẽ nảy nở. Đồng thời, lao động làm cho con người biết trân quý của cải, kính trọng nhân dân. Nếu “nhàn vi cư bất thiện” thì lao động mang lại cho con người sự thiện lương, để từ đó, những hạt mầm đạo đức nảy sinh và phát triển. Hồ Chí Minh khẳng định: “Muốn thật thà yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu chủ nghĩa xã

hội thì phải yêu lao động, vì không có lao động thì chỉ là nói suông⁽⁹⁾. Lao động (tức *cần*) là khởi điểm của *kiệm, liêm* và *chính*. Do đó, *yêu lao động* là phẩm chất đạo đức và là nền tảng của đạo đức.

Khi đời sống xã hội bao gồm nhiều lĩnh vực và sự phát triển của xã hội luôn mang tính toàn diện, thì việc nhìn nhận vai trò của lao động trong mọi lĩnh vực thiết yếu đã giúp Hồ Chí Minh đi đến kết luận mang tính chân lí: “Lao động là sức chính của sự tiến bộ loài người. Cũng là sức mạnh của sự giải phóng dân tộc”⁽¹⁰⁾.

2. Sự cao quý của mọi loại hình lao động

Lao động vốn là hoạt động cao quý mang *bản chất người*, nhưng sự áp bức, bóc lột đã làm cho lao động mất đi ý nghĩa về vang của nó. Thời cổ đại, giai cấp chủ nô coi lao động là dấu hiệu của sự thấp hèn, chỉ “ăn không ngồi rồi” và hưởng lạc bằng cách ra sức bóc lột nô lệ mới là sang trọng. Xã hội phong kiến, đúng như Hồ Chí Minh nhận xét, có “hai cái khinh là: khinh lao động chân tay và khinh người lao động chân tay và hai cái sợ là: sợ khó nhọc và sợ khổ”⁽¹¹⁾. CNTB đã đẩy lao động và người lao động vào tình trạng *tha hóa*. Chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất của CNTB và bóc lột giá trị thặng dư đã làm cho sản phẩm lao động không thuộc về người lao động, mà thuộc về những người không lao động; người lao động càng làm ra nhiều sản phẩm thì càng bị nghèo đi trong xã hội. Vì vậy, đối với họ, lao động không phải là niềm vui, là sự tự nguyện, mà là điều bắt buộc để sinh tồn. Nhìn chung, nếu chế độ bóc lột làm cho lao động trở thành điều khổ ải thì chế độ dân chủ đã trả lại cho lao động ý nghĩa về vang, cao quý như chính bản chất của nó. Từ đây, những người chủ xã hội sẽ cần cù lao động không chỉ sinh tồn, mà còn để thỏa mãn sức sáng tạo, để theo đuổi lẽ sống, giá trị sống cao quý. Từ thực tiễn đó, Hồ Chí Minh khẳng định: “Lao động là *nghĩa vụ thiêng liêng, là nguồn sống, nguồn hạnh phúc của chúng ta*”⁽¹²⁾.

Trong xã hội, do sự phân công và sàng lọc tự nhiên, mỗi người đảm nhiệm những công việc khác nhau nhưng quy tụ lại, đó là lao động chân

tay và lao động trí óc. Nếu xã hội phong kiến luôn đề cao lao động trí óc và coi thường lao động chân tay, thì Hồ Chí Minh luôn nhất quán trong việc khẳng định *sự bình đẳng, cao quý của mọi loại hình lao động*. Người nói: Trong xã hội ta, không có nghề nào là thấp kém, chỉ những kẻ lười biếng, ỷ lại mới đáng xấu hổ. Sự cao quý của con người không ở vị trí công tác, loại hình công việc, hay lương bổng, mà ở mức độ cống hiến và những giá trị sáng tạo của họ đối với xã hội. Hồ Chí Minh giải thích: “Làm việc gì có ích cho nhân dân, cho cách mạng đều là về vang. Bất kỳ việc gì mà mình làm tròn nhiệm vụ đều là về vang. Trong các anh hùng, chiến sĩ lao động có người là công nhân, là nông dân, có người làm thầy thuốc, có người đánh giặc giỏi... và có người dọn cầu xia cũng trở nên chiến sĩ. Tóm lại, trong lao động không có nghề gì là hèn, chỉ có lười biếng mới là hèn; làm tròn nhiệm vụ thì công tác nào cũng về vang”⁽¹³⁾. Việc tôn vinh các “anh hùng lao động” không phụ thuộc vào nghề nghiệp đã góp phần thể hiện tính dân chủ, bình đẳng của chế độ mới.

Nếu Chủ nghĩa Mác-Lênin coi việc khắc phục sự khác biệt giữa lao động trí óc và lao động chân tay là đặc trưng bản chất của chế độ XHCN và là nội dung của cách mạng XHCN, thì nhà mác xít Hồ Chí Minh chủ trương *gắn kết lao động chân tay với lao động trí óc*. Người nói: Trong chế độ XHCN, “lao động chân tay cũng phải có văn hóa, mà người lao động trí óc cũng phải làm được lao động chân tay”⁽¹⁴⁾; “Nếu lao động trí óc không làm được lao động chân tay và lao động chân tay không có trí óc thì đó là người lao động bán thân bất toại”⁽¹⁵⁾. Để tạo ra sự gắn kết thực sự giữa 2 loại hình lao động, Hồ Chí Minh yêu cầu: trí thức hóa công nông và công nông hóa trí thức. Quá trình này giúp con người *phát triển toàn diện* cả tâm lực, trí lực và thể lực.

3. Phương pháp lao động

Hồ Chí Minh luôn xa lạ với những gì hình thức, viên vông nên hết sức chú trọng đến tính hiệu quả của công việc. Người đúc kết: “Muốn có cơm ăn, áo mặc, nhà ở, đường đi, thì phải *làm*. Từ trước đến giờ, ta vẫn có làm... Nhưng vì

làm chưa hợp lí cho nên số đông dân ta vẫn ăn đói, mặc rách, nhà cửa chật hẹp, đường sá gập ghềnh⁽¹⁶⁾. Muốn đạt hiệu quả tốt thì lao động phải có phương pháp và đúng nguyên tắc. Về vấn đề này, **Hồ Chí Minh đưa ra những chỉ dẫn** sau:

- Lao động phải có kế hoạch

Do hậu quả của nền sản xuất nhỏ, làm việc có kế hoạch là cái mà người Việt Nam rất thiếu, nên Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng đến vấn đề này. Đó là những kế hoạch làm việc khoa học, không phải là kế hoạch được hoạch định một cách chủ quan, duy ý chí. Để làm được điều đó, đòi hỏi người lao động phải “xét kỹ hoàn cảnh mà sắp đặt công việc cho đúng. Việc chính, việc gấp thì làm trước. Không nên luộm thuộm, không có kế hoạch, gập việc nào, làm việc ấy⁽¹⁷⁾. Trước khi bắt tay vào việc, phải biết rõ công cụ lao động nào cần thiết, các bước tiến hành ra sao, ai làm việc gì... để có kế hoạch chuẩn bị đầy đủ và phân công hợp lí.

Dù kế hoạch rất quan trọng nhưng Hồ Chí Minh cũng rất *dị ứng* với các kế hoạch viển vông. Người khuyên thanh niên: Một chương trình nhỏ mà được thực hành hẳn hoi, hơn là một trăm chương trình to tát mà làm không được. Mặt khác, với sự trải nghiệm sâu sắc, Hồ Chí Minh thấu hiểu việc đưa ý tưởng, kế hoạch vào thực tế cuộc sống là điều hết sức khó khăn nên thường nhắc nhở người lao động phải hành động theo phương châm: “chỉ tiêu kế hoạch một phần, biện pháp phải hai phần, cố gắng phải ba phần⁽¹⁸⁾. Nếu không như vậy thì mọi kế hoạch chỉ dừng ở trên giấy.

- Lao động phải sáng tạo để đạt năng suất cao

V.I.Lênin từng khẳng định, trong điều kiện tồn tại hai hệ thống chính trị đối lập là CNTB và CNXH, thì câu hỏi “ai thắng ai” sẽ do năng suất lao động trong chế độ đó quyết định. Vì vậy, lao động đem lại năng suất cao là nhiệm vụ chính trị, chứ không đơn thuần là nhiệm vụ kinh tế. Tuy nhiên, V.I.Lênin cũng chỉ ra: Trong vài ba ngày có thể giành được chính quyền, trong vài tuần lễ có thể dẹp tan sự phản kháng của bọn bóc lột, nhưng “vô luận thế nào... cũng phải mất nhiều năm mới giải quyết được vững chắc

nhiệm vụ nâng cao năng suất lao động⁽¹⁹⁾. Theo Hồ Chí Minh, để đạt mục tiêu khó khăn đó, trước hết phải phát huy tinh thần sáng tạo của người lao động. Người yêu cầu: “Phải tìm tòi sáng kiến để tổ chức lao động cho hợp lý. Phải cải tiến phương tiện, máy móc làm việc để đạt năng suất cao, chất lượng tốt⁽²⁰⁾; sau đó, phải tổ chức tốt các phong trào thi đua để truyền bá kinh nghiệm và nhân rộng các điển hình tiên tiến.

- Lao động phải hăng hái, bền bỉ

Để lao động đạt kết quả thì người lao động phải hăng hái, siêng năng. Hồ Chí Minh căn dặn: Bất cứ làm việc gì, nghề gì, khi đã làm thì phải hăng hái, chăm chỉ nhưng phải đi liền với bền bỉ. Nếu không bền bỉ thì “chẳng khác gì một tấm vải phơi một hôm mà ngâm nước mười hôm, thì ướt hoàn ướt⁽²¹⁾. Theo Hồ Chí Minh, muốn duy trì sự bền bỉ thì “không làm xối”, tức là không làm quá trớn, quá ngưỡng chịu đựng đến nỗi sinh ốm đau, phải bỏ việc. Người lao động phải biết nuôi dưỡng “sức bền” trong suốt cuộc đời; người tổ chức lao động thì phải biết nuôi dưỡng sức dân, không để sức dân bị cạn kiệt.

- Lao động phải có kỉ luật và an toàn

Hồ Chí Minh từng nói: Làm người chủ xã hội không có nghĩa là muốn ăn bao nhiêu thì ăn, muốn làm bao nhiêu thì làm. Ngược lại, “đã là chủ của xí nghiệp, chủ nước nhà phải tự nguyện tự giác giữ kỷ luật lao động. Giờ làm việc thì đi chậm, chưa hết giờ đã nghỉ không phải là thái độ của người chủ xí nghiệp, chủ Nhà nước⁽²²⁾.

Hồ Chí Minh cho rằng, bớt xén thời gian lao động chính là ăn cắp tiền bạc, lòng tin của nhân dân, là tự hủy hoại thanh danh “người chủ” của mình.

Quá trình lao động, sản xuất luôn chứa đựng yếu tố rủi ro, nên Hồ Chí Minh yêu cầu: “Phải đảm bảo an toàn vì người lao động là vốn quý nhất⁽²³⁾. Dù đất nước còn nghèo nhưng những dụng cụ bảo hiểm cá nhân thiết yếu cho người lao động phải được bảo đảm. Đặc biệt, phải giáo dục người lao động giữ vững kỉ luật về an toàn lao động. Khẩu hiệu “an toàn là bạn, tai nạn là thù” phải ăn sâu vào ý thức của họ.

- Lao động phải đi đôi với tiết kiệm

Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh: Tăng gia sản

xuất và thực hành tiết kiệm là con đường đi đến hạnh phúc. Tăng gia là tay phải của hạnh phúc, tiết kiệm là tay trái của hạnh phúc. Vì vậy, tiết kiệm phải được bảo đảm trong suốt quá trình lao động, trước nhất là phải tiết kiệm sức người. Điều này đòi hỏi người quản lý phải tổ chức dây chuyền sản xuất một cách khoa học. Tiếp đó, phải tiết kiệm nguyên vật liệu và thời gian lao động. Cuối cùng, phải tiết kiệm các sản phẩm do lao động làm ra. Bởi vì, nếu không tiết kiệm, “làm chùng nào xào chùng ấy” thì lao động bao nhiêu cũng là vô nghĩa.

Như vậy, hệ thống phương pháp lao động của Hồ Chí Minh đã tạo ra phong cách lao động mới – phong cách lao động XHCN ở Việt Nam.

4. Sự cần thiết phải giáo dục cho con người ý thức lao động

Lao động có tầm quan trọng bao nhiêu thì việc giáo dục ý thức lao động cho nhân dân có tầm quan trọng bấy nhiêu. Cụ thể, phải làm cho con người nhận thức rõ sự vinh quang của lao động, lao động tự giác là quyền lợi và nghĩa vụ của mọi công dân, giá trị của con người nằm ở tính hiệu quả trong lao động, lao động là đích đến của việc học tập...

Hồ Chí Minh cho rằng, việc giáo dục ý thức, tình yêu đối với lao động là nhiệm vụ của gia đình, nhà trường và xã hội. Đặc biệt, Người yêu cầu phải: “đẩy mạnh hơn nữa việc giáo dục lao động trong nhà trường... nhằm đào tạo thế hệ trẻ đã có kiến thức khoa học... lại có những kiến thức cơ bản về kỹ thuật sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, những thói quen lao động, sẵn sàng bước vào công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa”⁽²⁴⁾. Để đạt được mục tiêu đó thì “nội dung dạy của ta phải thiên về lao động. Trước kia thì đào tạo thành các cậu tú, cô tú xem khinh lao động. Bây giờ thì phải yêu lao động, thực sự lao động”⁽²⁵⁾. Để khuyến khích tinh thần lao động của thế hệ trẻ, dù bận trăm công, nghìn việc nhưng Hồ Chí Minh luôn kịp thời khen thưởng các cá nhân đạt thành tích tốt trong lao động và học tập. Vì vậy, trong mỗi bài viết, bài nói, Hồ Chí Minh đều hướng tới mục đích giáo dục tình yêu lao động cho thế hệ trẻ.

Tinh thần làm chủ của người lao động và ý thức lao động sẽ mang lại cho con người thái độ lao động đúng đắn. Hồ Chí Minh yêu cầu: “Ngày nay tất cả những người lao động - lao động chân tay và lao động trí óc - đều phải nhận thật rõ: *Minh là người chủ nước nhà*”⁽²⁶⁾. Thái độ lao động tự giác, chủ động, sáng tạo, đam mê của người làm chủ khác xa thái độ làm việc qua quýt, cầm chừng, không quan tâm đến hiệu quả công việc. Càng say mê, tự giác làm việc thì tri thức và năng lực của người lao động càng nâng cao. Thái độ vun vén cho lợi ích chung, lo việc nước như việc nhà, ra sức giữ gìn của công, kiên quyết chống tham ô, lãng phí hoàn toàn đối lập với thái độ vô trách nhiệm kiểu “cha chung không ai khóc” của những người làm ăn riêng lẻ. Giữa lao động, người lao động và sản phẩm lao động có mối quan hệ không thể tách rời nên thái độ lao động đúng đắn sẽ làm cho con người biết kính trọng người lao động, trân trọng những sản phẩm lao động để từ đó hình thành lối sống tiết kiệm và giản dị.

Hồ Chí Minh không chỉ đưa ra những quan điểm minh triết về lao động, mà còn là tấm gương lao động bền bỉ, sáng tạo. Tư tưởng và cuộc đời cần lao của Người đã khẳng định: Chỉ có lao động mới đem lại hạnh phúc và giá trị thực cho con người. Vì vậy, việc bồi đắp lòng yêu lao động và thực hành lao động theo tư tưởng Hồ Chí Minh chính là con đường đưa con người vươn tới hạnh phúc, đưa dân tộc Việt Nam tiến tới phồn vinh □

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, t.20, Nxb CTQG, HN.1995, tr.641

(2),(7),(10),(16) và (17) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.5, Nxb CTQG, HN. 2011, tr.514, 284-285, 514, 113 và 332

(3),(12),(18),(24) và (26) Hồ Chí Minh, *Sđđ*, t.13, tr.69, 69, 20, 203 và 52

(4) Hồ Chí Minh, *Sđđ*, t.4, tr.99

(5) Hồ Chí Minh, *Sđđ*, t.7, tr.44

(6) Hồ Chí Minh, *Sđđ*, t.3, tr.488

(8),(9),(11),(14),(15) và (23) Hồ Chí Minh, *Sđđ*, t.11, tr.241, 401, 399, 400, 400 và 591

(13) và (25) Hồ Chí Minh, *Sđđ*, t.12, tr.166 và 270

(19) V.I.Lênin, *Toàn tập*, t.36, Nxb Tiên bộ, M.1977, tr.229

(20) Hồ Chí Minh, *Sđđ*, t.14, tr.140

(21) Hồ Chí Minh, *Sđđ*, t.6, tr.120

(22) Hồ Chí Minh, *Sđđ*, t.10, tr.478